

Bản án số: 08/2017/HC-PT

Ngày 08/9/2017

V/v “*Kiểm Quyết định hành chính
trong lĩnh vực Thuế sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Loan

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 04/2017/TLPT-HC
ngày 12 tháng 7 năm 2017 về yêu cầu hủy Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày
03/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐ-PT ngày 11/8/2017,
Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐPT-HC ngày 24/8/2017, Quyết định thay đổi
người tiến hành tố tụng số 26/2017/QĐST-HC ngày 08/9/2017,

giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị S và bà Phạm Nguyễn Ánh T;

Bà T ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Phạm Thị S.

Cùng địa chỉ: Khu phố X, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị S: Luật sư Trần
Công N - Văn phòng luật sư Trần Công N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B

Địa chỉ: Số X, đường N, phường P, thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vinh Q - Phó chủ tịch Ủy ban nhân
dân thành phố B, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

(Theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 1987/UBND-VP ngày 20/7/2016
của Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Hữu N - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trưởng phòng tài nguyên môi trường thành phố B - ông Nguyễn Văn T, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2. Chi cục thuế thành phố B;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quang K - Phó chi cục trưởng chi cục thuế thành phố B, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26/12/2003 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Viết tắt UBND tỉnh BR-VT) ban hành Quyết định số 13926 thu hồi 44.214m² đất tại phường P, thị xã B (nay là thành phố B) để đầu tư xây dựng Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Quốc lộ (trong đó thu hồi của hộ bà Phạm Ngọc S 531,5m², gồm 300m² đất ở và 231,5m² đất nông nghiệp).

Ngày 14/12/2004, UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định số 12994/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường trợ cấp cho hộ bà S, đất bà S bị thu hồi 531,5m² đất, trong đó 300m² đất ở vị trí 4 đường Hùng Vương (đường loại 3) và 281,5m² đất nông nghiệp.

Ngày 20/8/2010, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 2169/QĐ-UBND giao đất ở cho bà S; Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 giao đất ở tái định cho bà S; Quyết định số 2196/QĐ-UBND giao đất ở cho bà Phạm Nguyễn Ánh T; tất cả do giải tỏa công trình khu tái định cư Đông Quốc lộ.

Ngày 29/7/2013, UBND thành phố B có Quyết định số 3258/QĐ-UBND thu hồi và thay thế Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 về việc giao đất tại khu tái định cư Đông Quốc lộ cho bà S thuộc diện tái định cư do giải tỏa công trình khu tái định cư Đông Quốc lộ.

Ngày 16/8/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B lập biên bản bàn giao đất thực địa cho bà S.

Ngày 10/12/2013, bà S có đơn xin cứu xét. Ngày 28/5/2014 UBND thành phố Bà Rịa có Công văn số 969/UBND-VP trả lời không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu hỗ trợ theo đơn của bà S.

Ngày 21/7/2014, Chi cục Thuế thành phố Bà Rịa có các Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 233/14-SDD/TB-CCT và số 234/14-SDD/TB-CCT đối với bà S ; Thông báo số 235/14-SDD/TB-CCT đối với bà T.

Ngày 20/8/2014, bà S có đơn khiếu nại ông Phan Văn M - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường cố ý không chấp hành nội dung văn bản số 969/UBND-

VP ngày 28/5/2014 của UBND thành phố Bà Rịa. Ngày 26/11/2014, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa ban hành Quyết định số 12/QĐ-TNMT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà S (Gọi là Quyết định số 12). Bà S khiếu nại Quyết định số 12.

Ngày 03/6/2015, Chủ tịch UBND thành phố Bà Rịa ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà S (lần hai) (Gọi là Quyết định số 1181).

Không đồng ý bà S và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ các quyết định, thông báo sau Quyết định số 1181. Thông báo số 233/14-SDD/TB-CCT ngày 21/7/2014 và thông báo số 234/14-SDD/TB-CCT ngày 21/7/2014 về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà S. Hủy Thông báo số 235/14-SDD/TB-CCT ngày 21/7/2014 về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà T. Hủy Quyết định số 12/QĐ-TNMT ngày 26/11/2014 của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Buộc UBND thành phố Bà Rịa áp dụng giá để tính tiền sử dụng đất tái định cư theo giá đất bồi thường đất ở cho bà S và bà T là 100.000 đ/m².

Ngày 13/4/2016, bà S và bà T nộp đơn khởi kiện bổ sung có nội dung rút bớt yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết với các Thông báo số 233/14-SDD/TB-CCT ngày 21/7/2014, Thông báo số 234/14-SDD/TB-CCT ngày 21/7/2014 về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà S, Thông báo số 235/14-SDD/TB-CCT ngày 21/7/2014 về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà T; Quyết định số 12/QĐ-TNMT ngày 26/11/2014 của phòng Tài nguyên môi trường thành phố Bà Rịa.

Quá trình tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Vị trí lô đất mà bà S và bà T được giao nằm ngay vị trí đất mà Nhà nước thu hồi của bà S do đó Nhà nước thu hồi bồi thường cho bà S với đơn giá 100.000đồng/m² thì tính thuế về đất khi giao 03 lô tái định cư cho bà S phải theo giá 100.000đồng/m². Do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa tính giá đất, tính tiền sử dụng đất là 750.000đ/m² đối với đường loại 3, vị trí 1, đối với đất ở là không đúng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa và Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa trình bày:

Bà S bị thu hồi 300m² đất ở tại vị trí 4, đường loại 3 năm 2004 và được giao 01 lô đất tái định cư, 01 lô đất ở thường xuyên do giải tỏa công trình khu tái định cư Đông Quốc lộ 56 tại các thửa số 588, 589 tờ bản đồ số 30, phường Phước Nguyên (là vị trí 1, đường Lê Thị Bạch Vân). Bà T được giao 01 lô đất ở do giải tỏa công trình khu tái định cư Đông Quốc lộ 56 (do bà T có nhà trên đất của bà S) tại thửa số 615, tờ bản đồ số 30, phường Phước Nguyên (là vị trí 1, đường Mộng Huê Lầu).

Căn cứ các Điều 4, 6, 10 và Khoản 1, Điều 12, Quyết định số 9510/2003/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của UBND tỉnh BR-VT về việc ban hành Quy định (tạm thời) về chính sách tái định cư đối với người bị thu hồi đất tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Chương II, Quyết định số 12682/2003/QĐ-UBND ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh BR-VT về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất để: tính thuế chuyển quyền sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất; tính giá trị tài sản khi giao đất và bồi thường thiệt hại về đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh BR-VT thì biểu giá đất ở các phường thuộc thị xã Bà Rịa tại đường loại 3, vị trí 1 là 1.250.000đồng/m² và đường loại 3, vị trí 4 là 100.000 đồng/m².

Theo Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh BR-VT ban hành quy định bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh BR-VT thì đường Lê Thị Bạch Vân và Mộng Huê Lâu được quy định là đường loại 3 vị trí 1 là 1.980.000đ/m².

Như vậy, việc Chi cục Thuế thành phố Bà Rịa xác định tiền sử dụng đất mà bà S, bà T phải nộp: 1.250.000 đ/m² (biểu giá đất ở đường loại 3, vị trí 1 theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Chương II, Quyết định số 12682/2003/QĐ-UBND ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh BR-VT và Quyết định số 9510/2003/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của UBND tỉnh BR-VT) x 0,6 (theo Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh BR-VT) = 750.000 đồng/m² là đúng quy định.

Do đó, việc bà S khiếu nại Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa không thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố Bà Rịa tại văn bản số 969/UBND-VP ngày 28/5/2014 là sai hoàn toàn.

Căn cứ các quy định của Luật Khiếu nại 2011, thì Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa ban hành Quyết định số 12/QĐ-TNMT ngày 26/11/2014 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà S và Chủ tịch UBND thành phố Bà Rịa ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 về việc giải quyết khiếu nại của Bà S (lần hai) là đúng quy định.

Người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quá trình tố tụng tại Tòa án Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B và Chi cục thuế thành phố B trình bày:

Đồng ý với ý kiến mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa đã trình bày ở trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S và bà Phạm Nguyễn Ánh T yêu cầu hủy Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Bà Rịa về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 06/6/2017 bà S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Hủy Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Bà Rịa. Buộc UBND thành phố Bà Rịa phải áp dụng giá để tính tiền sử dụng đất tái định cư 100.000đồng/m² theo đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung:

Thời điểm bà S và bà T nhận bàn giao đất thì khu tái định cư đã hoàn thiện, vị trí đất của bà S và bà T được giao thuộc vị trí 1 đường loại 3. Ngày 19/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã có quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ban hành giá đất và ghi nhận danh mục tên đường. Chi cục thuế thành phố Bà Rịa dựa trên thông tin địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc phòng Tài nguyên Môi trường thành phố B cung cấp; Quyết định số 9510/2003/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 12682/2003/QĐ-UBND ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để tính giá nộp thuế. Mức giá tính thu tiền đất ở vị trí 1 đường loại 3 là 1.250.000 đồng x hệ số 0,6 = 750.000 đ/m² là đúng theo quy định. Bà S và bà T yêu cầu tính giá 100.000đ/m² vì cho rằng vị trí đất của bà được giao không khác vị trí đất khi bị thu hồi là không phù hợp.

Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 do Chủ tịch UBND thành phố Bà Rịa ban hành giải quyết khiếu nại, Thông báo số 233/14-SĐĐ/TB-CCT ngày 21/7/2014 và thông báo số 234/14-SĐĐ/TB-CCT ngày 21/7/2014 về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà Phạm Thị S, thông báo số 235/14-SĐĐ/TB-CCT ngày 21/7/2014 về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà Phạm Nguyễn Ánh T ; Quyết định số 12/QĐ-TNMT ngày 26/11/2014 của phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Bà Rịa có nội dung phù hợp nên không chấp nhận đơn khởi kiện của bà S và bà T. Do đó đề nghị

Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị S trong thời hạn và đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Chi cục thuế thành phố Bà Rịa có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa 02 lần; Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định là đúng pháp luật.

[3] Về đối tượng khởi kiện: Bà S và bà T khởi kiện Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Bà Rịa (Quyết định số 1181), Thông báo số 233/14-SĐĐ/TB-CCT và thông báo số 234/14-SĐĐ/TB-CCT ngày 21/7/2014 của Chi cục thuế thành phố Bà Rịa về việc nộp tiền sử dụng đất đối với bà Phạm Thị S; Thông báo số 235/14-SĐĐ/TB-CCT ngày 21/7/2014 Chi cục thuế thành phố Bà Rịa và Quyết định số 12/QĐ-UBND –TNMT ngày 26/11/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa.

Ngày 13/4/2016, bà S và bà T có đơn khởi kiện chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 1181, tuy nhiên xét thấy các quyết định và thông báo trên liên quan đến Quyết định số 1181, nên cần giải quyết trong vụ án mới triệt để do đó Hội đồng xét xử xác định Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa và Chi cục thuế thành phố Bà Rịa là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[4] Xét các yêu cầu kháng cáo của bà S:

[4.1] Năm 2004 bà S bị thu hồi 531,5m² đất, trong đó 300m² đất ở vị trí 4 đường Hùng Vương (đường loại 3) và 281,5m² đất nông nghiệp. Sau khi thực hiện dự án khu tái định cư Đông Quốc lộ 56 thì vị trí 02 lô đất bà S được cấp tái định cư và giao đất ở thuộc vị trí 1 đường loại 3, đường Lê Thị Bạch Vân. Bà T được giao 01 lô đất ở thuộc vị trí 1 đường loại 3, đường Mông Huê Lầu. Thời điểm bàn giao đất thực địa cho bà S là năm 2013.

Tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 qui định: *Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thì nghĩa vụ tài chính được xác*

định theo chính sách và giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất hoặc cho thuê đất; trường hợp thời điểm bàn giao đất không đúng với thời điểm ghi trong quyết định giao đất, cho thuê đất thì nghĩa vụ tài chính được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm bàn giao đất thực tế.

Tại điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 qui định:

a) Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp thời điểm bàn giao đất không đúng với thời điểm ghi trong quyết định giao đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm bàn giao đất thực tế.

Chi cục Thuế thành phố xác định tiền sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm bàn giao đất thực tế mà bà S, bà T phải nộp: 1.250.000 đ/m² (biểu giá đất ở đường loại 3, vị trí 1 theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Chương II, Quyết định số 12682/2003/QĐ-UBND ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số 9510/2003/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) x 0,6 (theo Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì đường Lê Thị Bạch Vân và Mộng Huê Lầu là đường loại 3 vị trí 1 giá đất 1.980.000đ/m²), nhưng cơ quan Thuế chỉ tính giá đất đường loại 3 vị trí 1 (theo bảng giá năm 2003) với số tiền 750.000 đồng/m² là đúng quy định. Việc bà S yêu cầu tính giá đất 100.000 đồng/m², hoặc trợ cấp giá đất là không có căn cứ.

[4.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã nhận định Bản án sơ thẩm xét xử là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà S và bà T giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4.3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà Phạm Thị S không có căn cứ, nên giữ nguyên nội dung quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

[4.4] **Án phí Hành chính:** Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội bà Phạm Thị S (người cao tuổi) không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, bà Phạm Nguyễn Ánh T phải án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Khoản 2 Điều 4 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Khoản 1 Điều 4 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010; Điều 4, 6, 10 và Khoản 1, Điều 12, Quyết định số 9510/2003/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành Quy định (tạm thời) về chính sách tái định cư đối với người bị thu hồi đất tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khoản 2, Điều 6, Chương II, Quyết định số 12682/2003/QĐ-UBND ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị S. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S và bà Phạm Nguyễn Ánh T yêu cầu hủy Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của Bà Phạm Thị S.

2. Án phí Hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Nguyễn Ánh T phải nộp 200.000đồng, được trừ vào 200.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa (biên lai số 08251 ngày 09/11/2015).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị S không phải chịu.

Bản án có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án 08/9/2017.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- TAND TP. Bà Rịa;
- VKS ND TP Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Đức Thiện